

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN
(Các xã thuộc Thành phố Cam Ranh)

Xã	Khu vực	Khung giá đất ở (đồng/m ²)		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
Đông bàng	1	150.000	110.000	80.000
	2	110.000	80.000	60.000
Miền núi	1MN	45.000	35.000	30.000
	2MN	35.000	30.000	25.000

A. ĐẤT Ở

STT	TÊN XÃ	Hệ số	Khu vực	Giá đất theo hệ số		
				Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	CÁC XÃ ĐÔNG BÀNG					
4	Cam Thịnh Đông					
4.2	Thôn Hòa Diêm (trước đây là thôn Hòa Diêm 2)					
-		1,30	1	195.000		
-						
-		1,30	1	143.000		
-						104.000
-		1,30	1			
-		1,30	1	143.000		
-		1,30	1	143.000		
-		1,30	1			104.000
4.3	Thôn Hòa Sơn					
-	(thôn Hòa Diêm 2)					
-		1,30	1	143.000		
-		1,30	1	143.000		
-		1,30	1			143.000
4.6	Thôn Hiệp Mỹ					
-		1,30	2	104.000		
-		1,30	1	143.000		
-		1,30	1			104.000

STT	TÊN XÃ	Hệ số	Khu vực	Giá đất theo hệ số		
				Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
	Đường liên xóm (Từ nhà thờ giáo họ Hiệp Mỹ đến Nguyễn Hồng Sơn)	1,30	1		143.000	
	Đường liên xóm (Từ nhà ông Trần Văn Anh đến sông Vồ Tả)	1,30	1		143.000	

B. ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP

Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải thương mại dịch vụ và giá đất thương mại dịch vụ xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định này;